

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **84** /KH-UBND

Hưng Yên, ngày **13** tháng **10** năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động
sự nghiệp dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị
hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ Tài chính¹ và của tỉnh² về việc yêu cầu rà soát, xử lý dứt điểm tài sản công dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính và tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xử lý đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, góp phần quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, hạn chế thất thoát tài sản công là nhà, đất.

2. Tập trung chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý căn cứ vào các hình thức xử lý, khai thác tài sản theo quy định tại Luật Quản lý, sử

¹ Các văn bản của Bộ Tài chính: Công văn số 10020/BTC-QLCS ngày 04/7/2025 về hướng dẫn bố trí trụ sở, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động mô hình hoạt động chính quyền địa phương mới và việc quản lý, sử dụng, khai thác trụ sở dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính; Công văn số 11120/BTC-QLCS ngày 21/7/2025 về rà soát, đánh giá tình hình bố trí, sắp xếp, xử lý, cải tạo trụ sở khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; Công văn số 11738/BTC-QLCS ngày 31/7/2025 về việc rà soát, xử lý tài sản công sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; Công điện số 06/CD-BTC ngày 25/8/2025 về việc tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

² Các văn bản của tỉnh: Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 17/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 66-CV/TU ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giải quyết một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Công văn số 134-CV/TU ngày 20/8/2025 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 172-CV/TU ngày 08/9/2025 của Tỉnh ủy; Thông báo số 220-TB/TU ngày 21/8/2025 của Tỉnh ủy thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quản lý, sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; Công văn số 241/VP-TH ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh về việc phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc của các cơ quan tỉnh; Công văn số 81/VP-TH ngày 23/7/2025 Văn phòng UBND tỉnh về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh; Công văn số 1218/UBND-TH ngày 03/9/2025 về việc quản lý, sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và các kết luận, chỉ đạo, hướng dẫn liên quan để khẩn trương xây dựng kế hoạch xử lý, khai thác các trụ sở dôi dư, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý, khai thác đối với từng cơ sở nhà, đất cụ thể; trên cơ sở đó tổ chức xử lý theo đúng thời hạn và quy định của pháp luật.

3. Sắp xếp, bố trí lại cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tận dụng nguồn lực từ xử lý tài sản công để tái đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

II. Nguyên tắc thực hiện

1. Tiếp tục rà soát, thống kê việc sắp xếp, bố trí, xử lý các trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh (*sau đây gọi là cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp*) theo quy định và thực hiện đối chiếu với kết quả Tổng kiểm kê tài sản công theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ để tránh bỏ sót, thất thoát tài sản, cụ thể:

a) Đối với các cơ sở nhà, đất đã thực hiện bố trí, sắp xếp để làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp mà sau một thời gian đi vào vận hành có phát sinh bất cập thì tiếp tục thực hiện bố trí, sắp xếp để bảo đảm điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; đồng thời đáp ứng tốt nhất việc cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Đối với các trường hợp chưa có Biên bản bàn giao hoặc đã có Biên bản bàn giao nhưng chưa đầy đủ thì đơn vị đang quản lý tài sản thực hiện rà soát, kiểm đếm lại tài sản thực tế đang quản lý để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định giao. Trường hợp khi tiếp nhận tài sản chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao tài sản thực hiện việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản để hạch toán sau khi được giao tài sản.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện (như: các trường học, trung tâm y tế,...) sau khi chấm dứt hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan quản lý cấp trên) thì việc quản lý, xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

d) Trường hợp cho mượn, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định của pháp luật thì chấm dứt ngay việc sử dụng không đúng quy định, đồng thời, chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan tới việc sử dụng tài sản công không đúng quy định; nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc sử dụng nhà, đất không đúng quy định (sau khi đã trừ các khoản thuế đã nộp cho số thu đó) vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ. Trường hợp qua rà soát có phát hiện các trường hợp sử dụng tài sản công không đúng quy định thì tổng hợp thông tin các trường hợp sử dụng tài sản công không đúng quy định và việc xử lý, gửi tới Bộ Tài chính cùng với báo cáo định kỳ theo Công văn số 11120/BTC-QLCS ngày 21/7/2025 của Bộ Tài chính.

đ) Thực hiện việc điều chỉnh các loại quy hoạch, kế hoạch (quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng,...) thuộc thẩm quyền của địa phương để phục vụ cho việc sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở, cơ sở nhà, đất; quy hoạch các trung tâm chính trị - hành chính cấp xã bảo đảm tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện giao đất, cho thuê đất và giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai để phục vụ việc sắp xếp, bố trí và xử lý nhà, đất. Khẩn trương tiếp nhận nhà, đất do các Bộ, cơ quan trung ương chuyển giao để đưa vào quản lý, khai thác.

2. Bám sát các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ) và các văn bản kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng ủy Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính đã quy định và hướng dẫn để lựa chọn các hình thức xử lý cơ sở nhà đất dôi dư sau sắp xếp: *(i)* Cho phép thực hiện hoán đổi (điều chuyển) trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cơ quan trung ương) trên địa bàn và chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản để bảo đảm tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp sẵn có trên địa bàn; *(ii)* Chuyển giao về địa phương để quản lý, sử dụng vào mục đích công cộng (*giáo dục, y tế, văn hóa, sinh hoạt cộng đồng...*); *(iii)* Thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan đối với tài sản không còn nhu cầu sử dụng và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành và địa phương; *(iv)* thu hồi để giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương, tổ chức phát triển quỹ đất của địa phương quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật; *(v)* Thanh lý, phá dỡ đối với công trình xuống cấp, không thể sử

dụng; (vi) khác (nếu có); không áp dụng hình thức bán theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với đất, nhà và tài sản gắn liền với đất.

3. Phương án xử lý đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành và địa phương.

b) Đảm bảo tổ chức thực hiện Phương án xử lý theo đúng tiến độ; kịp thời xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm trong việc xử lý nhà, đất dôi dư sau sắp xếp.

c) Trường hợp đã có Quyết định xử lý trước ngày ban hành Kế hoạch này (nhưng sau ngày 01/7/2025) thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền mà không phải báo cáo để quyết định giao hoặc điều chỉnh phương án.

d) Trường hợp phương án xử lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện có sự thay đổi về hình thức (phương án) xử lý tài sản cho phù hợp với các quy định mới hoặc yêu cầu thực tế thì báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công xem xét, quyết định xử lý mà không phải báo cáo để điều chỉnh phương án.

III. Nội dung và tiến độ thực hiện

1. Đối với cấp tỉnh

a) Phương án xử lý đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp: Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Kế hoạch này

b) Tổ chức thực hiện Phương án xử lý đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp

b1) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản:

- Chủ trì, bàn giao toàn bộ hồ sơ nhà, đất dôi dư đã được phê duyệt trong phương án với hình thức “*Giao cho tổ chức có chức năng quản lý, khai thác*” cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 để quản lý, khai thác.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý IV năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp được xử lý theo các hình thức “*Điều chuyển*”, “*Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý*”.

Thời gian hoàn thành: Đến hết Quý I năm 2026.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp được xử lý theo các hình thức “*Chuyển đổi công năng*”, “*Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan*” và “*Khác (nếu có)*”.

Thời gian hoàn thành: Đến hết Quý III năm 2026.

b2) Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 chủ trì, lập Phương án quản lý, sử dụng và khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư (không sử dụng vào mục đích để ở) được tiếp nhận, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan để tổ chức thực hiện Phương án đúng tiến độ.

Thời gian hoàn thành: Trong Quý IV năm 2025.

c) Quản lý sau xử lý đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp dôi dư: Cập nhật kết quả xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính theo quy định.

Thời gian thực hiện: Từ Quý IV năm 2026 trở đi.

2. Đối với cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ Kế hoạch xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp của địa phương đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc:

- Chủ trì, bàn giao toàn bộ hồ sơ nhà, đất dôi dư đã được phê duyệt trong phương án với hình thức “*Giao cho tổ chức có chức năng quản lý, khai thác*” cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 01 và Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 để quản lý, khai thác (*Có danh sách phân công đơn vị tiếp nhận kèm theo*).

Thời gian hoàn thành: Trong Quý IV năm 2025.

- Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp được xử lý theo các hình thức “*Điều chuyển*”, “*Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý*”.

Thời gian hoàn thành: Đến hết Quý I năm 2026.

- Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp được xử lý theo các hình thức “*Chuyển đổi công năng*”, “*Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan*” và “*Khác (nếu có)*”.

Thời gian hoàn thành: đến hết Quý III năm 2026.

b) Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 01, Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02 chủ trì, lập Phương án quản lý, sử dụng và khai thác đối với các cơ sở nhà, đất dôi dư (không sử dụng vào mục đích để ở) được tiếp nhận của các xã đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan để tổ chức thực hiện Phương án đúng tiến độ.

Thời gian hoàn thành: trong quý IV năm 2025.

c) Quản lý sau xử lý đối với cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp dôi dư: Cập nhật kết quả xử lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính theo quy định.

Thời gian thực hiện: từ Quý IV năm 2026 trở đi.

IV. Phân công trách nhiệm

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể đối với hồ sơ trình xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư theo hình thức “*Chuyển đổi công năng để điều chuyển*”, “*Điều chuyển*”, “*Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý*” và “*Khác (nếu có)*” của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp hồ sơ không phù hợp.

b) Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã đảm bảo đúng tiến độ theo Kế hoạch đã ban hành.

c) Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng đầu quý sau), báo cáo tiến độ, kết quả xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp theo Đề cương và Mẫu số 01 đính kèm Kế hoạch này về Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Xây dựng: Đánh giá hiện trạng công trình cấp tỉnh, tham gia thẩm định phương án cải tạo, phá dỡ đối với công trình xuống cấp, không thể sử dụng theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với hồ sơ của cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã về xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư theo hình thức “*Thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên*”

quan” thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp.

b) Hướng dẫn thủ tục liên quan đến đất đai, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành và địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Định kỳ hàng quý (trước ngày 01 của tháng đầu quý sau), báo cáo tiến độ, kết quả xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp theo Đề cương và Mẫu số 01 đính kèm Kế hoạch này gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

b) Chủ trì đánh giá hiện trạng công trình, thẩm định phương án cải tạo, phá dỡ đối với công trình xuống cấp, không thể sử dụng.

V. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chậm thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ việc xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, phải quản lý chặt chẽ, không để thất thoát tài sản; chỉ được tổ chức thực hiện xử lý tài sản sau khi có quyết định xử lý tài sản của cấp có thẩm quyền; trường hợp được giao bán tài sản công theo hình thức đấu giá thì phải thuê tổ chức thẩm định giá và tổ chức đấu giá theo quy định pháp luật.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Các Ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lê Huy

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
3.1	Trung tâm Thông tin- Hội nghị																
3.1.1	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Thông tin- Hội nghị Hưng Yên)	đường Quảng Trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.544,00	18.500,00	1									
3.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Thái Bình -cũ): Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến, đầu tư và Phát triển tỉnh (cơ sở 1)	Lý Thường Kiệt, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.037,70	1.270,00							1			Thu hồi để thực hiện dự án (Đề án ven sông)
3.1.3	cơ sở nhà đất số 3 (Thái Bình -cũ): Trung tâm Hội nghị tỉnh	235 Hai Bà Trưng, phường Đề Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	8.648,00	1.686,00						1				
3.1.4	cơ sở nhà đất số 4 (Thái Bình -cũ): Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (cơ sở 2)	136 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	2061,8	2.815,00	1									
B	KHOÍ SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH		408	66	342	4.797.874,71	2.119.965,51	353	6	5	0	2	24	7	3	8	
1	Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên		4	4	0	10.505,10	13.519,76	2	0	1		0	1	0	0	0	
1.1	cơ sở nhà đất số 1 (cơ quan Sở Tài chính)	535 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.085,00	4.104,00	1									
1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Sở Tài chính – Trung tâm xúc tiến DN tỉnh)	08 đường Chùa Chuông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.995,00	2.238,00	1									
1.3	cơ sở nhà đất số 3 (cơ quan Sở Tài chính)	Số 142 phố Lê lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.249,50	4.685,15						1				
1.4	cơ sở nhà đất số 4 (sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình - cũ)	Số 233 Hai Bà Trưng, phường Đề Thám, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.175,60	2.492,61			1	Quỹ Đầu tư PT+TT XTHTDN&TV tài chính cơ sở 2						
2	Sở Công Thương và đơn vị trực thuộc		10	10	0	14.421,90	13.864,70	9					1	0	0	0	
2.1	Sở Công Thương																
2.1.1	cơ sở nhà đất số 01 (trụ sở của Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh)	Đường Quảng trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.839,00	2.384,00	1									
2.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Sở Công thương Thái Bình - cũ)	144 phố Lê lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.249,50	4.483,50						1				
2.2	Đơn vị trực thuộc Sở Công thương																
2.2.1	Chi cục Quản lý Thị trường tỉnh		8	8	0	7.333,40	6.997,20	8	0			0	0				
	cơ sở nhà đất số 1	số 333, Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.250,00	2.352,00	1									
	cơ sở nhà đất số 2	Thanh xã, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1	1		210,00	210,00	1									
	cơ sở nhà đất số 3	Tổ 3, Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.211,40	1.487,50	1									
	cơ sở nhà đất số 4	xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	1	1		238,00	551,00	1									
	cơ sở nhà đất số 5	xã Quỳnh Phú, tỉnh Hưng Yên	1	1		618,00	559,00	1									
	cơ sở nhà đất số 6	xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	1	1		190,00	191,40	1									
	cơ sở nhà đất số 7	xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1	1		896,00	896,30	1									
	cơ sở nhà đất số 8	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	1	1		720,00	750,00	1									
3	Sở Tư pháp và đơn vị trực thuộc		5	3	2	7.033,30	8.288,00	4					1				
3.1	Sở Tư pháp																
3.1.1	cơ sở nhà đất số 1 (Sở Tư pháp)	19 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.762,00	3.400,00	1									
3.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Sở Tư pháp)	số 21 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.001,00	900,00	1									
3.1.3	cơ sở nhà đất số 3 (Sở Tư pháp Thái Bình -cũ)	số 06, Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.359,80	2.938,00						1				

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất				Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú		
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diễn số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diễn số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diễn số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)		Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển							Đơn vị dự kiến tiếp nhận
3.2	Đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp																
3.2.1	Phòng Công chứng số 1	số 106, đường Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	1		1	630,00	300,00	1									
3.2.2	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình	số 06, Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	280,50	750,00	1									
4	Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị trực thuộc		5	2	3	20.153,80	14.825,30	3	0	1		0	1	0	0	0	
4.1	Cơ quan Sở Khoa học và công nghệ		2	2	0	15.420,80	6.337,30	1					0				
4.1.1	cơ sở nhà đất số 1 (Sở Khoa học và công nghệ)	17 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		11.333,00	1.935,00	1									
4.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Sở Khoa học và công nghệ Thái Bình - cũ)	Số 36A phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.087,80	4.402,30			1	Trung tâm Đối mới sáng tạo và UDKHCN + TTKTTCĐLCL						
4.2	Đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ		3	0	3	4.733,00	8.488,00	2					1				
4.2.1	cơ sở nhà đất số 1 (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh + Trung tâm Dữ liệu và chuyển đổi số)	đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.033,00	6.731,00	1									
4.2.2	cơ sở nhà đất số 2 (Trung tâm Đối mới sáng tạo và UDKHCN + Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn ĐLCL)	Đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	400,00	1.200,00	1									
4.2.3	cơ sở nhà đất số 3 (Trung tâm Đối mới sáng tạo và Ứng dụng KHCN)	Số 66 đường Kỳ Đồng, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.300,00	557,00						1				
5	Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc		15	5	10	80.743,60	55.203,72	9					4		1	1	
5.1	Cơ quan Sở Nội vụ		5	5	0	11.545,00	16.978,76	1					3			1	
5.1.1	cơ sở nhà đất số 1 (trụ sở làm việc chính)	đường Chia Chương, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.965,00	1.106,00	1									
5.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình -cũ)	Số 8 Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		3735,2	12.046,00						1				
5.1.3	cơ sở nhà đất số 3 (Sở Lao động TBXH tỉnh Thái Bình - cũ)	Số 19, Phố Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.658,00	2.975,00						1				
5.1.4	cơ sở nhà đất số 4 (Nhà tập thể Sở Lao động TBXH Thái Bình - cũ)	số 1, Ngõ 274 Trần Thánh Tông, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		241,9							1				
5.1.5	Đền thờ Liệt sĩ	Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		5.922,00	851,76									1	
5.2	Đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ		10	0	10	69.198,60	38.224,96	8					1		1		
5.2.1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử		3	0	3	3.757,00	4.815,00	2					1				
-	cơ sở nhà đất số 1 (trụ sở làm việc chính)	Đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.237,00	3.980,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2 (Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Bình -cũ)	Số 9A đường Trần Hưng Đạo, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	520,00	835,00						1				
-	Cơ sở nhà đất số 3 (mới nhận bàn giao)	Lô số 9, khu cơ quan hành chính, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.320,00	5.378,00	1									
5.2.2	Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công		5		5	49.174,50	17.826,96	4							1		
-	cơ sở nhà đất số 1	Đường Văn Miếu, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	23.218,00	4.800,30	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.139,00	2.823,90								1		
-	cơ sở nhà đất số 3	Xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	17716,3	6.284,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 4	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.507,50	3.004,76	1									
-	Cơ sở nhà đất số 5	Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.310,00	914,00	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư									Ghi chú
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
5.2.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hưng Yên		2		2	16.267,10	15.583,00	2									
-	cơ sở nhà đất số 1	335 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.610,00	2.081,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Tổ 7, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	12657,1	13.502,00	1									
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường và đơn vị trực thuộc		89	20	69	527.987,98	49.581,22	79	3	2	0		5	0	0	0	
6.1	Cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường		9	9	0	12.179,50	8.203,00	5	0	2	0	0	2	0	0	0	
6.1.1	Cơ sở nhà đất số 1 (Sở Nông nghiệp và PTNT cũ)	Số 01 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.618,00	526,00	1									
6.1.2	Cơ sở nhà đất số 2 (Sở Lao động, TB&XH cũ)	533 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.978,00		1									
6.1.3	Cơ sở nhà đất số 3 (Trụ sở Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Bình - cũ)	Số 01 lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		3950,7	2.261,00					1					
6.1.4	Cơ sở nhà đất số 4(Trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình - cũ)	Số 12 phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.189,60	3.859,00			1	Các Chi cục còn lại làm việc TB cũ dồn về 1 TT						
6.1.5	Cơ sở nhà đất số 5 (Trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động Thái Bình - cũ)	Xã Thái Xuyên, tỉnh Hưng Yên	1	1		25,00	25,00	1									
6.1.6	Cơ sở nhà đất số 6 (Nhà quản lý Trạm QITMT nước mặt tự động Thái Bình - cũ)	Xã Thái Xuyên, tỉnh Hưng Yên	1	1		76,2	76,2	1									
6.1.7	Cơ sở nhà đất số 7 (Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Thái Bình - cũ)	Xã Thái Tho, tỉnh Hưng Yên	1	1		18,00	18,00	1									
6.1.8	Cơ sở nhà đất số 8: Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường và Trung tâm phát triển quỹ đất số 02	Đường số 20, phường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.034,30	1.210,00			1	Trung tâm quan trắc TN&MT						
6.1.9	Đất khu tập thể phường Kỳ Bá và Lê Hồng Phong (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.316,60	304,00					1					
6.2	Các đơn vị thuộc, trực thuộc; gồm:		80	11	69	515.808,48	41.378,22	74	3	0	0	0	3	0	0	0	
6.2.1	Chi cục Phát triển nông thôn																
-	cơ sở nhà đất số 1	47 đường Trương Trắc, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		360,00	574,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2 (Thái bình-cũ)	Số 368 Đường Trần Hưng Đạo phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		1065,6	1.547,00					1					
6.2.2	Chi cục Trồng trọt - Bảo vệ thực vật																
-	cơ sở nhà đất số 1	Số 627, Nguyễn Văn Linh,phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		633,00	240,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2 (Thái bình-cũ)	Ngõ 20 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		955,3	742,80					1					
6.2.3	Chi cục Chăn nuôi - Thú Y																
-	cơ sở nhà đất số 1	đường Sơn Nam, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.105,00	957,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2 (Thái bình-cũ)	Số 14 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		2019,2	1.984,00					1					
6.2.4	Văn phòng Đăng ký đất đai	70 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	853,80	726,40	1									
6.2.5	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường	đường Sơn Nam, phường Sơn Nam tỉnh Hưng Yên	1	1		1.999,00	450,00	1									(trụ sở cũ của Chi cục Kiểm lâm)
6.2.6	Trung tâm Giống nông nghiệp																
-	cơ sở nhà đất số 01	104k2, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	262.092,96	5.000,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 02	Thôn Trung xã Nguyễn Văn Linh tỉnh Hưng Yên	1		1	6.071,00	2.092,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 3 (Trại cá xã Hòa Bình)	xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên	1		1	39979,3	620,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 4 (Trại cá xã Vũ Lạc)	Phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	46.010,50	372,00		1								Trại cá Vũ Lạc tách diện tích cho Trung tâm GNN và Trung tâm Khuyến nông; SNN&MT hoàn thiện thủ tục điều chuyển cho 02 đơn vị này

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản dôi dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
-	Trạm Chăn nuôi và thú y thành phố	Số 370 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	727,5	595,00	1									
-	Trạm Chăn nuôi và thú y huyện Thái Thụy	Khu 6, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	667,4	365,4	1									
-	Trạm Chăn nuôi và thú y huyện Kiến Xương	Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	578,00		1									
-	Trạm Chăn nuôi và thú y huyện Đông Hưng	Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	494,5	118,6	1									
-	Trạm Chăn nuôi và thú y huyện Hưng Hà	Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	658,1	160,00	1									
-	Trạm kiểm dịch cầu Nghìn	Xã Phú Dục, tỉnh Hưng Yên	1		1	450,00	440,00	1									
6.2.09	Chi cục kiểm lâm																
-	Cơ sở nhà đất số 1 (Trạm kiểm lâm Thái Thụy)	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1	1		200,00	80,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 1 (Trạm kiểm lâm Tiền Hải)	Xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên	1	1		205,8	80,00	1									
6.2.10	Chi cục Thủy lợi tỉnh Hưng Yên																
-	cơ sở nhà đất số 1 (Chi cục QLĐĐ và PCTT tỉnh Hưng Yên)	47 đường Trưng Trắc, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		781,30	1.121,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 2 (Hạt quản lý Đê Văn Giang)	Đường 179 Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	1		1	718,00	430,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 3 (Hạt quản lý Khoái Châu)	Thôn Xuân Đình, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.099,00	928,50	1									
-	cơ sở nhà đất số 4 (Nghị Xuyên thuộc Hạt QLĐ huyện Khoái Châu)	Thôn Nghi Xuyên, xã Chi Minh, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.261,00	343,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 5 (Lan Đình thuộc Hạt QLĐ huyện Khoái Châu)	Thôn Lan Đình, xã Chi Minh, tỉnh Hưng Yên.	1		1	112,00	224,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 6(Ngọc Thanh thuộc Hạt QLĐ huyện Kim Đông)	Thôn Thanh Cù, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng	1		1	4.819,00	483,82	1									
-	cơ sở nhà đất số 7 (Đức Hợp thuộc Hạt quản lý Đê Kim Đông)	Thôn Đức Quang, xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên	1		1	640,00	115,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 8 (Cửa Khẩu cũ thuộc Hạt QLĐ thành phố Hưng Yên)	Số 61 Bạch Đằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	303,20	140,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 9 (Cửa Khẩu mới thuộc Hạt QLĐ thành phố Hưng Yên)	Số 61 Bạch Đằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	907,20	208,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 10 (Đốc Lã thuộc Hạt QLĐ thành phố Hưng Yên)	Thôn Tiền Thắng, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên.	1		1	22.334,00	153,60	1									
-	cơ sở nhà đất số 11 (Hạt Quản lý đê huyện Tiền Lữ)	Thôn Triều Dương, xã Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên.	1		1	1.740,40	309,20	1									
-	cơ sở nhà đất số 12 (Hạt Quản lý đê huyện Phú Cừ)	Thôn La Tiến, xã Tống Trân, tỉnh Hưng Yên	1		1	764,72	421,20	1									
-	Cơ sở nhà đất 13 (Trạm Bùng -Hạt QLĐ Vũ Thư)	Xã Văn Xuân, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.386,00	466,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 14 (Trạm Phúc Thành -Hạt QLĐ Vũ Thư)	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.373,30	132,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 15 (Trạm Ngõ Xá -Hạt QLĐ Vũ Thư)	Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.091,00	420,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 16 (Trạm Bến Giồng -Hạt QLĐ Vũ Thư)	Xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.754,00	70,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 17 (Trạm Bến Hiệp -Hạt QLĐ Quỳnh Phụ)	Xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên	1		1	863,20	412,40	1									
-	Cơ sở nhà đất 18 (Kho CLB Bến Hiệp -Hạt QLĐ Quỳnh Phụ)	Xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên	1		1	420,50	67,50	1									
-	Cơ sở nhà đất 19 (Trạm Cầu Nghìn -Hạt QLĐ Quỳnh Phụ)	Xã Phú Dục, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.486,00	238,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 20 (Hạt QLĐ Tiền Hải)	Xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.698,30	319,35	1									
-	Cơ sở nhà đất 21 (Trạm Nhật Tảo -Hạt QLĐ Hưng Hà)	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.509,30	424,76	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất				Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú		
			Tổng số	Try sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)		Diện tích sản sử dụng (m ²)	Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển							Đơn vị dự kiến tiếp nhận
-	Cơ sở nhà đất 22 (Trạm Nhâm Lang -Hạt QLD Hưng Hà)	Xã Phúc Khánh, tỉnh Hưng Yên	1		1	236,50	50,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 23 (Trạm Tĩnh Xuyên -Hạt QLD Hưng Hà)	Xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên	1		1	939,60	60,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 24 (Trạm Lão Khê -Hạt QLD Hưng Hà)	Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.060,30	57,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 25 (Hạt QLD thành phố)	Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	942,00	429,30	1									
-	Cơ sở nhà đất 26 (Hạt QLD Đông Hưng)	Xã Nam Tiền Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.431,10	268,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 28 (Hạt QLD Thái Thụy)	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	820,60	234,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 29 (Trạm Bến Tím -Hạt QLD Kiến Xương)	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.064,70	348,44	1									
-	Cơ sở nhà đất 30 (Trạm Minh Tân -Hạt QLD Kiến Xương)	Xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.275,90	242,65	1									
6.2.12	Chi cục biển và Thủy sản Thái Bình																
-	Cơ sở nhà đất 01 (Văn phòng chi cục)	Số 43 Đường Phạm Thế Hiển Phường Trần Hưng Đạo tỉnh Hưng Yên	1	1		411,80	555,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 02 (Trạm Thủy sản Bắc)	Đường Tạ Hiện xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	686,50	205,00	1									
-	Cơ sở nhà đất 03 (Trạm Thủy sản Nam)	Xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	250,00	300,00	1									
6.2.13	Trường Trung cấp nông nghiệp Thái Bình																
-	Cơ sở nhà đất số 1	362 Nguyễn Du, xã Quỳnh Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	62.244,40	7.518,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	xã Quỳnh Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	23.235,60		1									
7	Số Xây dựng và đơn vị trực thuộc		38	4	34	229.088,82	73.369,59	33	0	1	0	0	2	0	2	0	
7.1	Cơ quan Số Xây dựng		5	4	1	11.968,70	7.683,80	1	0	1			2		1		
7.1.1	cơ sở nhà đất số 1	Đường Quảng Trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.334,10	2.382,00	1									
7.1.2	cơ sở nhà đất số 2 (Số Xây dựng Thái Bình -cũ)	Số 414 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.875,00	3.236,50			1	Sử dụng chung (Ban QLý và BTCT: Ban QL, nhà ở ST)						
7.1.3	cơ sở nhà đất số 3 (Thanh tra Xây dựng tỉnh Thái Bình -cũ)	237A Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		121,60	364,80					1					Không có nhu cầu sử dụng
7.1.4	cơ sở nhà đất số 4 (Thanh tra GTVT tỉnh Thái Bình -cũ)	Số 366 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.480,00	958,50					1					Ban QL và BTCT đang sử dụng; dự kiến sau khi tiếp nhận cơ sở nhà đất số 2 sẽ trả lại cơ sở nhà đất số 4
7.1.5	cơ sở nhà đất số 5 (TTDK 89-01S của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới - TT đã giải thể)	Phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.158,00	742,00							1			Chuyển cho phường Đường Hào
7.2	Các đơn vị trực thuộc Số Xây dựng:		33	0	33	217.120,12	65.685,79	32	0	0		0	0	0	1	0	
7.2.1	Ban Quản lý bến xe, bến thủy		12	0	12	64.481,80	4.829,00	12									
-	cơ sở nhà đất số nhà, đất số 01 (Bến xe khách Hưng Yên)	Số 578 Nguyễn Văn Linh, Phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.000,00	1.963,00	1									
-	cơ sở nhà đất số nhà, đất số 02 (Bến xe khách La Tiến)	thôn Nguyễn Hòa, xã Tổng Trán, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.440,00	232,00	1									
-	cơ sở nhà đất số nhà, đất số 03 (Bến Phà La Tiến)	thôn Nguyễn Hòa, xã Tổng Trán, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.416,00	85,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 04 (Bến xe khách Thái Bình)	Đường Lý Bôn, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.106,90	1.547,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 05 (Bến xe khách Kiến Xương)	Thôn Tân Tiến, xã Kiên Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.100,00	360,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 6 (Bến xe khách Tiền Hải)	Phố Hùng Thắng, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.335,00		1									
-	Cơ sở nhà đất số 7 (Bãi đỗ xe Nam Trung)	Thôn Vĩnh Trà, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.600,00		1									
-	Cơ sở nhà đất số 8 (Bãi đỗ xe Đông Long)	Thôn Hưng Thịnh, xã Đông Tiền Hải	1		1	745,00		1									
-	Cơ sở nhà đất số 9 (Bến xe khách Thái Thụy)	Lê Quý Đôn, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.100,00	250,00	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư									Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)		
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận							
-	Cơ sở nhà số 10 (Bến xe Chợ Lục)	Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.008,40		1										
-	Cơ sở nhà đất số 11 (Bến xe khách Hưng Hà)	Thôn Vũ Đông, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.714,80	196,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 12 (Bãi đỗ xe Hưng Nhân)	Thôn Tây Xuyên, xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.915,70	196,00	1										
7.2.2	Viện Quy hoạch, thiết kế và kiểm định xây dựng		3	0	3	8.549,80	3.343,93	3										
-	Cơ sở nhà đất số 1	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.338,00	947,00	1										Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh
-	Cơ sở nhà đất số 2	138 Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.691,80	2.002,50	1										Quyết định 824/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND tỉnh
-	Cơ sở nhà đất số 3	Xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	520,00	394,43	1										Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh
7.2.3	Trường Trung cấp giao thông vận tải		5	0	5	102.476,80	8.331,00	5										
-	Cơ sở nhà đất số 01 (Trường Trung cấp GTVT)	Số 2, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	8.863,00	3.339,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 02 (Trung tâm sát hạch lái xe - Trường Trung cấp GTVT)	Đường Chùa Điều, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	20.892,00	1.380,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 03 (Trung tâm đào tạo khu vực Phố Nối - Trường Trung cấp GTVT)	42 đường Đỗ Thế Diên, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.848,00	364,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 04 (Trường Trung cấp giao thông vận tải Thái Bình - cũ)	đường Phan Bá Vành, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	39.907,50	3.248,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 05 (Trường Trung cấp giao thông vận tải Thái Bình - cũ)	số 323 đường Phan Bá Vành, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	20.966,30		1										
7.2.4	Ban Quản lý và Bảo trì công trình		10	0	10	11.728,12	1.583,86	9	0	0	0	0	0	0	1	0		
-	Cơ sở nhà đất số 01 (Đội Đại tu)	Phường phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.005,90	227,80	1										
-	Cơ sở nhà đất số 02 (Hạt 199)	Xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.072,00	120,70	1										
-	Cơ sở nhà đất số 03 (Hạt 195)	Phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	882,00	89,76	1										
-	Cơ sở nhà đất số 04 (Hạt 205)	Xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	1		1	839,00	108,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 05 (Hạt 39B)	Xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.123,00	70,00	1										Nha hạt là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
-	Cơ sở nhà đất số 06 (Cung Cầu cấp)	Xã Đoàn Đào, tỉnh Hưng Yên	1		1	500,00	57,60	1										
-	Cơ sở nhà đất số 07	Xã Nghĩa Dân, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.447,00	398,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 08	Xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.096,00	144,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 09	Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.632,00	288,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 10	Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1		1	131,22	80,00								1			Chuyển cho xã Yên Mỹ
7.2.5	Ban Quản lý nhà ở sinh viên		3	0	3	29.883,60	47.598,00	3	0	0	0	0	0	0		0		
-	Cơ sở nhà đất số 01	Đường Trần Quang Khải, Phường Sơn Nam, Tỉnh Hưng Yên	1		1	10.488,00	15.678,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 02	Cụm nhà ở Sinh viên Khu 2, Tổ 7, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên	1		1	8.389,60	15.080,00	1										
-	Cơ sở nhà đất số 03	Cụm nhà ở sinh viên Khu 1, Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.006,00	16.840,00	1										
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị trực thuộc		25	3	22	189.872	58.153	12	0	0		2	3	1	0	7		
8.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		3	3	0	25512,5	9539	2	0	0		0	1			0		
8.1.1	Cơ sở nhà đất số 1 (trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Đường Quảng Trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.832,00	1.845,00	1										
8.1.2	Cơ sở nhà đất số 2: (làm trụ sở cho Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch và Ban quản lý di tích tỉnh)	Đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		18.663,00	4.980,00	1										
8.1.3	Cơ sở nhà đất số 3 (trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thái Bình - cũ)	Số 194 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.015,50	2.714,00						1					

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư									Ghi chú
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
8.2	Đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		22	0	22	164.359	48.614	10	0	0		2	2	1	0	7	
8.2.1	Trung tâm HL và TĐ thể thao tỉnh Hưng Yên		5	0	5	106.107	23.558	2	0			0	0			3	
-	Cơ sở nhà, đất số 1	11 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	13.065,00	4.195,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 2 (Nhà thi đấu đa năng)	Phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	56.307,90	8.151,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 3	Số 229 Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	34.884,50	8.366,00									1	Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng theo văn bản 4225/UBND-KT ngày 23/9/2021
-	Cơ sở nhà, đất số 4	Số 231 Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.349,80	2.346,00									1	
-	Cơ sở nhà, đất số 5	Số 51 Nguyễn Thái Học, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	500,00	500,00									1	
8.2.2	Trung tâm Văn hóa tỉnh Hưng Yên		9	0	9	8.916	5.894	3	0			0	2			4	
-	Cơ sở nhà, đất số 1 (trụ sở làm việc)	Số 1 đường Bạch Đằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.148,00	2.109,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 2 (Rap Chiếu phim)	Số 1 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	407,00	580,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 3	Số 98, Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	808,00	1.083,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 4	Số 126, Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	345,00	580,00						1				
-	Cơ sở nhà, đất số 5	Số 18, Đoàn Nguyễn Tuân, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	365,70	110,00						1				
-	Cơ sở nhà, đất số 6 (Rap Chiếu phim)	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	143,30	110,60									1	thu hồi theo văn bản 4225/UBND-KT ngày 23/9/2021
-	Cơ sở nhà, đất số 7 (Kho phim thuộc Trung tâm phát hành phim cũ)	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	322,80	107,90									1	Sử dụng nhà đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - chuyển giao theo văn bản 4225/UBND-KT ngày 23/9/2021
-	Cơ sở nhà, đất số 8 (Rap chiếu phim Thông Nhặt)	Phố Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	844,70	895,40									1	
-	Cơ sở nhà, đất số 9 (trung tâm phát hành phim cũ)	22 Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	531,20	318,10									1	
8.2.3	Nhà hát Chèo Hưng Yên		4	0	4	12.315	5.938	2	0			2	0				
-	Cơ sở nhà, đất số 1	Đường Chùa Đồng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.200,00	1.901,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 2	Số 42, phố Đoàn Nguyễn Tuân, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.320,00	1.629,60	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 3 (trụ sở của đoàn Ca múa kịch cũ)	Số 03 phố Đoàn Nguyễn Tuân, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.769,80	1.089,70					1					
-	Cơ sở nhà, đất số 4 (Trụ sở của đoàn Cải lương cũ)	Số 01 phố Đoàn Nguyễn Tuân, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.025,00	1.317,20					1					
8.2.4	Thư viện tỉnh Hưng Yên		2	0	2			2	0			0	0				
-	Cơ sở nhà, đất số 1	Số 4 đường Bạch Đằng, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.650,95	2.427,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 2	Số 196 Hai Bà Trưng, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.000,00	4.512,00	1									
8.2.5	Bảo tàng tỉnh Hưng Yên		2	0	2	37.022	13.224	1	0			0	0	1			
-	Cơ sở nhà, đất số 1	Đường Phạm Bạch Hổ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	22.836,00	7.249,00	1									
-	Cơ sở nhà, đất số 2	Quảng trường 14/10, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.185,50	5.975,30							1			Thu hồi để thực hiện dự án (Để an ven sông)
9	Thanh tra tỉnh Hưng Yên		2	2	0	4.221,80	4.106,00	1					1				
	Cơ sở nhà, đất số 1	Số 458 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.350,00	1.482,00	1									
	Cơ sở nhà, đất số 2	Số 2 Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.871,80	2.624,00						1				
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên	Số 613 đường Nguyễn Văn Linh, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.340,00	1.655,00	1									
11	Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	Đường Ngô Gia Khâm, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.935,00	1.247,00		1								Ban đã được bố trí tại trụ sở UBND tỉnh cũ (theo VB số 477/UBND-TH ngày 29/7/2025 thống nhất tạm giao)

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản dôi dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diễn số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diễn số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diễn số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
12	Sở Y tế và đơn vị trực thuộc		89	5	84	1.134.123,90	599.196,45	85	2	0		0	1	1	0	0	
12.1	Cơ quan Sở Y tế		3	3	0	8.799,80	7.332,00	3	0			0	0			0	
12.1.1	cơ sở nhà đất số 1	đường Hải Thượng Lân Ông, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.011,00	3.600,00	1									
12.1.2	cơ sở nhà đất số 2	Đường An Vũ, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.797,00		1									
12.1.3	cơ sở nhà đất số 3	Địa chỉ: Số 239 phố Hai Bà Trưng, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.991,80	3.732,00	1									
12.2	Đơn vị thuộc, trực thuộc, gồm:		86	2	84	1125324,1	591864,4472	82	2	0		0	1	1	0	0	
12.2.1	Chi cục Dân số và Trẻ em	474A đường Nguyễn Văn Linh, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.600,00	1.027,00	1									
12.2.2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phố Sơn Nam, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.324,00	1.350,00	1									
12.2.3	Bệnh viện Y dược cổ truyền Hưng Yên	đường Hải Thượng Lân Ông, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.401,20	14.637,45	1									
12.2.4	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Số 66 đường Đường An Vũ, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.595,00	4.100,00	1									
12.2.5	Bệnh viện Sản - Nhi Hưng Yên	đường Thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	44.892,00	23.748,00	1									
12.2.6	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	202 đường Phạm Bạch Hổ, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.974,00	7.876,00	1									
12.2.7	Bệnh viên Bệnh nhiệt đới Hưng Yên	Đường Phạm Bạch Hổ, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.973,00	11.249,00	1									
12.2.8	Bệnh viện Đa khoa Phò Nối	đường Vũ Văn Cẩn, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	51.858,00	33.000,00	1									
12.2.9	Bệnh viện sức khỏe tâm thần Hưng Yên	Thôn Mai Xá, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	25.000,00	7.044,00	1									
12.2.10	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	đường Hải Thượng Lân Ông, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	59.397,00	40.075,30	1									
12.2.11	Trung tâm Bảo vệ, CSSK cán bộ																
-	Cơ sở nhà đất số 01	đường Chu Mạnh Trinh, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.558,30	4.492,26	1									
-	Cơ sở nhà đất số 02	Số 286, đường Trần Thành Tông, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.709,70	2.460,00							1			Đề thực hiện dự án chỉnh trang đường Hai Bà Trưng
12.2.12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật																
-	cơ sở nhà đất số 01	đường Hải Thượng Lân Ông, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.984,00		1									
-	cơ sở nhà đất số 02	đường Trần Quang Khải, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.538,00	628,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 03	số 113 phố Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.181,30	16.057,60	1									sử dụng chung tòa 15 tầng (trung tâm kiểm soát bệnh tật sử dụng từ tầng 1 đến tầng 8; TT kiểm nghiệm thuốc MPTP sử dụng tầng 9. ATTP +DS&TEE)
12.2.13	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc- Mỹ phẩm- Thực phẩm																
-	cơ sở nhà đất số 01	Số 454 Nguyễn Văn Linh, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.633,00	876,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 02	số 280, đường Trần Thành Tông, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	818,70	1.322,00						1				Đã bàn giao cho trung tâm phát triển quỹ đất số 02
12.2.14	Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Hưng Yên																
-	Cơ sở nhà đất số 1	xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	90.540,00	5.333,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	xã Nguyễn Trãi Tỉnh Hưng Yên	1		1	13.192,00	2.407,00	1									
12.2.16	Trung tâm Pháp y và Giám định Y Khoa																
-	Cơ sở nhà đất số 1	đường Tuệ Tĩnh, phường Phò Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.438,50	682,00	1									

[illegible]

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản dôi dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (điền số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (điền số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (điền số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
-	cơ sở nhà đất số 02	đường Trần Lãm, phường Trần Lãm tỉnh Hưng Yên	1		1	16.420,20	9.214,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 03	đường Trần Lãm, phường Trần Lãm tỉnh Hưng Yên	1		1	1.828,40	300,00	1									
12.2.29	Bệnh viện Đa khoa Trần Lãm																
-	cơ sở nhà đất số 01	Đường Trần Thành Tông, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.735,50	5.301,60	1									
-	cơ sở nhà đất số 02	phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.888,40	11.959,80	1									
12.2.30	Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng	Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	25.141,90	16.392,00	1									
12.2.31	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.673,90	11.163,00	1									
12.2.32	Bệnh viện Đa khoa Phụ Dục	Xã Phụ Dục, tỉnh Hưng Yên	1		1	18.280,20	7.944,40	1									
12.2.33	Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương	Tổ dân phố Quang Trung, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	25.562,50	9.554,00	1									
12.2.34	Bệnh viện Đa khoa Thái Thụy	Địa chỉ: Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.008,90	9.693,00	1									
12.2.35	Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh	Địa chỉ: xã Thái An, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.536,40	6.533,40	1									
12.2.36	Bệnh viện Đa khoa Tiền Hải					24.775,50	14.764,26										
-	cơ sở nhà đất số 01	Thôn Nam, Xã Ai Quốc, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.177,10	9.418,26	1									
-	cơ sở nhà đất số 02	Thôn Nam, Xã Ai Quốc, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.598,40	5.346,00	1									
12.2.37	Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải	Thôn Vĩnh Trà, xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.966,20	7.014,00	1									
12.2.38	Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà	Địa chỉ: Thôn Tư La, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.691,40	8.813,50	1									
12.2.39	Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân	Địa chỉ: xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	18.828,40	7.903,50	1									
12.2.40	Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư	Khu Minh Tân II xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên	1		1	31.719,60	13.013,60	1									
12.2.41	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Thái Bình																
-	cơ sở nhà đất số 01	xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.446,70	5.440,20	1									
-	cơ sở nhà đất số 02	xã Bắc Đông Quang, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.712,80	7.801,97	1									
12.2.43	Các Trung tâm y tế:																
-	Trung tâm Y tế Phố Hiến																
+	cơ sở nhà đất số 01	đường Trưng Nhị, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.463,00	4.054,00	1									
+	cơ sở nhà đất số 02 (phòng dân số và GDSK)	đường Điện Biên, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	82,50	82,50	1									
-	Trung tâm Y tế Tiên Lữ																
+	cơ sở nhà đất số 01	phố Nguyễn Trãi, Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.054,00	9.506,00	1									
+	cơ sở nhà đất số 02	phố Phạm Ngũ Lão, Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	111,00	160,00	1									
+	cơ sở nhà đất số 03	đường Phạm Ngũ Lão, Khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	160,00	200,00	1									
-	Trung tâm y tế Kim Đông																
+	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Y tế)	xã Lương Bàng, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.811,00	9.914,00	1									

Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư																						
STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)									Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)	Ghi chú
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận											
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)															
+	cơ sở nhà đất số 2 (Phòng Dân số và GDSK)	xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	1		1	316,00	156,00	1														
-	Trung tâm y tế huyện Phù Cừ																					
+	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Y tế)	xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.445,00	5.779,50	1														
	cơ sở nhà đất số 2 (Phòng Dân số và GDSK)	xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	700,00	222,68	1														
-	Trung tâm y tế Ân Thi																					
+	cơ sở nhà đất số 01	số 122 đường Phạm Ngũ Lão, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.632,00	6.192,00	1														
+	cơ sở nhà đất số 02	đường Phạm Ngũ Lão, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.400,00	320,50	1														
-	Trung tâm y tế Mỹ Hào																					
+	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Y tế)	phường Đường Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	13.761,00	5.905,00	1														
+	cơ sở nhà đất số 2 (Phòng Dân số và GDSK)	phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	501,00	200,00	1														
-	Trung tâm Y tế Khoái Châu	xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	27.160,00	9.329,00	1														
-	Trung tâm Y tế Yên Mỹ																					
+	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Y tế)	xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1		1	13.497,00	3.618,00	1														
+	cơ sở nhà đất số 2 (Phòng Dân số và GDSK)	xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1		1	500,00	200,00	1														
-	Trung tâm Y tế Văn Giang	xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.515,00	8.506,00	1														
-	Trung tâm y tế Văn Lâm																					
+	cơ sở nhà đất số 1 (Trung tâm Y tế)	xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.379,20	6.002,00	1														
+	cơ sở nhà đất số 2 (Phòng Dân số và GDSK)	Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	1		1	800,00	466,00	1										xã Như Quỳnh				
-	Trung tâm Y tế Thái Bình	Đường Võ Nguyên Giáp, phường Trà Lỷ, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.839,30	1.100,00	1														
-	Trung tâm Y tế Vũ Thư	xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.040,00	2.000,00	1														
-	Trung tâm Y tế Đông Hưng	Đường Phạm Huy Quang, tổ 2 xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.912,00	1.367,90	1														
-	Trung tâm Y tế Kiến Xương	Số 645, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.255,40	2.661,00	1														
-	Trung tâm Y tế Tiền Hải	Đường Tạ Xuân Thu, Thôn Nam, Xã Ai Quốc, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.722,30	1.415,00	1														
-	Trung tâm Y tế Thái Thụy	Tổ dân phố 7, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.577,50	1.756,00	1														
-	Trung tâm Y tế Quỳnh Phụ	Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.116,10	1.362,91	1														
-	Trung tâm Y tế Hưng Hà	xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.549,90	1.660,00	1														
13	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên		97	2	95	2.034.582,41	1.042.637,90	96	0	0	0	0	1	0	0	0						
13.1	Cơ quan Sở giáo dục và Đào tạo		2	2	0	9.277,60	9.407,80	1	0			0	1									
-	cơ sở nhà, đất số 1	603 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.762,60	5.889,00	1														
-	cơ sở nhà, đất số 2	Số 01 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.515,00	3.518,80						1									
13.2	Đơn vị thuộc, trực thuộc, gồm:		95	0	95	2.025.304,81	1.033.230,10	95	0	0	0	0	0	0	0	0						
13.2.1	Trường THPT Văn Lâm	xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.525,0	3.768,0	1														

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
13.2.2	Trường THPT Trưng Vương	Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên	1		1	13.875,2	3.248,0	1									
13.2.3	Trường THPT Mỹ Hào	phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	1		1	19.591,0	2.168,3	1									
13.2.4	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật	phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.000,0	4.292,0	1									
13.2.5	Trường THPT Yên Mỹ	xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	1		1	19.860,0	1.571,0	1									
13.2.6	Trường THPT Triệu Quang Phục	xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.640,0	4.029,0	1									
13.2.7	Trường THPT Minh Châu	xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	1		1	28.950,0	5.147,0	1									
13.2.8	Trường THPT Văn Giang	xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	1		1	20.018,0	2.780,0	1									
13.2.9	Trường THPT Dương Quảng Hàm	xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.639,0	2.113,0	1									
13.2.10	Trường THPT Khoái Châu																
-	Địa chỉ nhà đất số 01	xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.322,0	4.603,0	1									
-	Địa chỉ nhà đất số 02	xã Chi Minh, tỉnh Hưng Yên	1		1	9.540,0	3.441,0	1									
13.2.11	Trường THPT Trần Quang Khai	xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.451,0	4.647,0	1									
13.2.12	Trường THPT Nguyễn Siêu	xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	24.892,0	6.445,0	1									
13.2.13	Trường THPT Kim đồng	xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	1		1	29.967,0	7.599,0	1									
13.2.14	Trường THPT Đức Hợp	xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.639,0	5.559,0	1									
13.2.15	Trường THPT Nghĩa Dân	xã Nghĩa Dân, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.652,0	2.265,0	1									
13.2.16	Trường THPT Ân Thi	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.192,0	4.554,0	1									
13.2.17	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn	xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	1		1	44.239,0	940,0	1									
13.2.18	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.423,0	5.496,0	1									
13.2.19	Trường THPT Phù Cừ	xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	28.533,0	8.165,0	1									
13.2.20	Trường THPT Nam Phù Cừ	xã Tống Trân, tỉnh Hưng Yên	1		1	72.479,7	7.234,0	1									
13.2.21	Trường THPT Tiên Lữ	xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	22.366,0	5.616,0	1									
13.2.22	Trường THPT Trần Hưng Đạo	xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1		1	8.670,3	8.670,3	1									
13.2.23	Trường THCS&THPT Hoàng Hoa Thám	xã Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.133,2	8.531,0	1									
13.2.24	Trường THPT Hưng Yên																
-	cơ sở nhà đất số 1	168 đường Phạm Ngũ Lão, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.960,0	5.745,0	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	126 đường Phạm Ngũ Lão, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.900,0	6.400,0	1									
13.2.25	Trường THPT Chuyên tỉnh Hưng Yên	đường Đường Chu Văn An, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	12.379,0	6.855,0	1									
	cơ sở nhà đất số 1	tiền khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.340,0	3.095,0	1									
	cơ sở nhà đất số 2	Số 17 Triệu Quang Phục, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.922,0	3.523,0	1									
13.2.26	Trường THPT Bắc Duyên Hà	Đường Phố Thá, Khu Nhân Cầu II, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	18.426,7	5.852,0	1									
13.2.27	Trường THPT Hưng Nhân	xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	23.272,3	5.276,0	1									
13.2.28	Trường THPT Nam Duyên Hà	Đường 223, Xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên	1		1	22.237,8	7.405,0	1									
13.2.29	Trường THPT Đông Hưng Hà	Xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	19.179,0	5.356,0	1									
13.2.30	Trường THPT Mê Linh	Thôn Hưu, Xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	14.644,8	4.507,0	1									
13.2.31	Trường THPT Bắc Đông Quan	Số 26, Đường Nguyễn Văn Năng, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	18.317,0	5.605,0	1									
13.2.32	Trường THPT Tiên Hưng	Xã Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	24.548,9	5.621,0	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
13.2.33	Trường THPT Nam Đông Quan	Xã Đông Quan, tỉnh Hưng Yên	1		1	20.500,0	5.446,5	1									
13.2.34	Trường THPT Quỳnh Côi	Số 282, Đường Nguyễn Du, xã Quỳnh Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	23.959,8	6.810,0	1									
13.2.35	Trường THPT Quỳnh Thợ	Thôn Tiên Bá, Xã Minh Thợ, tỉnh Hưng Yên	1		1	26.829,0	6.531,0	1									
13.2.36	Trường THPT Phú Dục	Đường Đỗ Nhân An, xã Phú Dục, tỉnh Hưng Yên	1		1	23.884,0	4.484,0	1									
13.2.37	Trường THPT Đông Thụy Anh	Tổ dân phố Bao Trĩnh, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	27.976,8	6.621,0	1									
13.2.38	Trường THPT Thái Phúc	Thôn Nha Xuyên, xã Bắc Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	16.819,8	1.749,0	1									
13.2.39	Trường THPT Tây Thụy Anh	Thôn Nhao Sơn, xã Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên	1		1	30.378,5	5.713,0	1									
13.2.40	Trường THPT Thái Ninh	Thôn Văn Hân, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.709,0	5.721,0	1									
13.2.41	Trường THPT Đông Tiền Hải	Thôn An Cư, xã Đông Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.860,3	10.370,0	1									
13.2.42	Trường THPT Tây Tiền Hải	Đường 14/10, xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên	1		1	25.018,0	6.723,0	1									
13.2.43	Trường THPT Nam Tiền Hải																
-	cơ sở nhà đất số1	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	12.353,8	3.981,7	1									
-	cơ sở nhà đất số2	Xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	24.602,8	2.492,5	1									
13.2.44	Trường THPT Nguyễn Du	Số 48, Đường Nguyễn Du, xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.836,9	11.677,0	1									
13.2.45	Trường THPT Chu Văn An	Thôn 2, xã Vũ Quý, tỉnh Hưng Yên	1		1	22.365,5	4.900,0	1									
13.2.46	Trường THPT Bình Thanh	Thôn Kha Phú, xã Bình Thanh, tỉnh Hưng Yên	1		1	12.660,0	4.274,0	1									
13.2.47	Trường THPT Bắc Kiến Xương																
-	cơ sở nhà đất số1	thôn Cao Bat Lự, xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.722,7	8.166,5	1									
-	cơ sở nhà đất số2	thôn Cao Bat Lự, xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.069,7	263,8	1									
13.2.48	Trường THPT Lý Bôn	Thôn An Đề, xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên	1		1	29.947,4	8.412,2	1									
13.2.49	Trường THPT Nguyễn Trãi	Thôn Quyết Thắng, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	25.113,0	7.429,3	1									
13.2.50	Trường THPT Vũ Tiên	Đường 39B, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.145,0	4.654,0	1									
13.2.51	Trường THPT Phạm Quang Thám	Thôn Song Thủy, xã Vũ Tiên, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.259,0	2.792,5	1									
13.2.52	Trường THPT Lê Quý Đôn	Số 343, Đường Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.963,0	7.432,8	1									
13.2.53	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	phố Đình Tiên Hoàng, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.447,2	7.340,6	1									
13.2.54	Trường THPT Chuyên Thái Bình																
-	cơ sở nhà đất số1	Số 368A đường Phan Bá Vành, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	19.008,8	10.468,0	1									
-	cơ sở nhà đất số2	Phố Chu Văn An, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.888,7	2.432,0	1									
13.2.55	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thái Bình	Số 23, Nguyễn Đình Chính, Phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	11.033,0	11.120,0	1									
13.2.56	Trường Trung cấp cho Người khuyết tật Thái Bình	Tổ Nghĩa Phương, Phường Trà Lý, Tỉnh Hưng Yên	1		1	5.225,0	5.340,0	1									
13.2.57	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hưng Yên	đường Bạch Thái Bưởi, phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.960,0	5.283,6	1									
13.2.58	Trung tâm GDNN-GDTX Phố Hiến																
-	cơ sở nhà đất số1	đường Yên Kiền phường Phố Hiến	1		1	7.038,90	4.383,00	1									
-	cơ sở nhà đất số2	đường Tây Thành phường Phố Hiến	1		1	1.770,80	1.350,00	1									
13.2.59	Trung tâm GDNN-GDTX Tiên Lữ	Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên	1		1	8.959,1	2.135,0	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diễn số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diễn số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diễn số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
13.2.60	Trung tâm GDNN-GDTX Phù Cừ	xã Đoàn Đào, tỉnh Hưng Yên	1		1	13.687,9	3.157,7	1									
13.2.61	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Động	Số 73 Vũ Trọng Phụng,xã Lương Bằng,tỉnh Hưng Yên	1		1	4.937,0	4.937,0	1									
13.2.62	Trung tâm GDNN-GDTX Ân Thi																
-	cơ sở nhà đất số 1	Phổ Phạm Ngần Lão,Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1		1	2.574,0	1.647,0	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Phổ Hoàng Văn Thu,Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.621,0	597,0	1									
-	cơ sở nhà đất số 3	Ngọc Nhuế, Xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.954,0	100,0	1									
13.2.63	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mỹ	Xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.844,2	1.394,2	1									
13.2.64	Trung tâm GDNN-GDTX Mỹ Hào		1		1	8.000,00	8.000,00	1									
13.2.65	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lâm																
-	cơ sở nhà đất số 1	Xã Như Quỳnh, tỉnh hưng Yên	1		1	10.026,3		1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Xã Đại Đồng, tỉnh hưng Yên	1		1	1.133,2		1									
13.2.66	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Giang	Xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.661,0	850,0	1									
13.2.67	Trung tâm GDNN-GDTX Khoái Châu																
-	cơ sở nhà đất số 1	Đường Sài Thị, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.542,0	2.260,0	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Thôn Ha, xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.926,0	679,0	1									
13.2.68	Trung tâm GDNN-GDTX Thái Bình	117 - Hoàng Công Chất, phường Trần Hưng Đạo tỉnh Hưng Yên	1		1	3583,3	3583,3	1									
13.2.69	Trung tâm GDNN-GDTX Hưng Hà																
-	Cơ sở nhà đất số 1	Số 113, đường Lê Quý Đôn, Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.302,5	1.574,0	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	Thôn Nhân Cầu 3, Xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	1		1	3.419,0	1.749,0	1									
13.2.70	Trung tâm GDNN-GDTX Vũ Thư																
-	Cơ sở nhà đất số 1	Tổ An Bình, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên	1		1	6.023,9	3.504,0	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	Tổ Hùng Tiến, Xã Vũ Thư, Tỉnh Hưng Yên	1		1	14.426,0	2.425,0	1									
13.2.71	Trung tâm GDNN-GDTX Đông Hưng	Tổ 2, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.375,6	1.238,6	1									
13.2.72	Trung tâm GDNN-GDTX Quỳnh Phụ																
	Cơ sở nhà đất số 1	khu 3 Quỳnh Côi, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.827,4	1.062,5	1									
	Cơ sở nhà đất số 2	Đội diện dân tương niệm, xã Quỳnh Phụ, tỉnh hưng Yên	1		1	5.704,1	788,0	1									
13.2.73	Trung tâm GDNN-GDTX Kiến Xương																
-	cơ sở nhà đất số 1	Số 2, Phạm Quang Lịch, Xã Kiên Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.582,0	3.816,6	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Khu Cầu Ngòi, Thôn Minh Thành, xã Kiên Xương, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.208,6	3.446,4	1									
13.2.74	Trung tâm GDNN-GDTX Thái Thụy																
-	Cơ sở nhà đất số 1	Tổ dân phố số 8, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1		1	15.711,2	4.662,5	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	Thôn Văn Hàn Trung, xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.804,9	2.866,9	1									
13.2.75	Trung tâm GDNN-GDTX Tiền Hải																
-	cơ sở nhà đất số 1	Xã Hưng Phú, tỉnh Hưng Yên	1		1	12.353,80	3.981,70	1									
-	cơ sở nhà đất số 2	Xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên	1		1	24.602,80	2.492,50	1									
13.2.76	Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên																
-	cơ sở nhà đất số 2	Số 17 Triệu Quang Phục, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	1		1	7.922,00	3.523,00	1									
-	cơ sở nhà đất số 1	tiền khu Hòa Bình, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	1		1	5.340,00	3.095,00	1									
14	Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh		2		2	40.173,40	30.223,00	2	0	0	0	0	0	0	0	0	
14.1	cơ sở nhà đất số 1	143 đường Hải Thương Lân Ông, phường Phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	22.543,00	18.000,00	1									
14.2	cơ sở nhà đất số 2	Số 332, Lý Thường Kiệt, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.630,40	12.223,00	1									

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư									Ghi chú
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diễn số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diễn số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diễn số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
15	Ban Quản lý khu Đại học Phố Hiến	45 đường Trung Trắc, phường Quang Trung, TP Hưng Yên	1		1	2.248,00	1.624,00	1									
16	Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 01		5	4	1	24.856,80	16.337,00	1	0	0	0	0	0	4	0	0	
16.1	Nhà làm việc và nhà bảo vệ (Trung tâm KT TN&MT cũ)	Số 72, đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.581,80	700,00	1									
16.2	(cũ) tiếp nhận quản lý, xử lý		4	4	0	23.275,00	15.637,00	0	0	0	0	0	0	4			
-	Kho Dũ trữ Bình Trị (cũ)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	1	1		12.188,00	4.739,00							1			
-	Kho Dũ trữ Hồng Quang (cũ)	xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.119,00	2.164,00							1			
-	Kho Dũ trữ Trung Hưng (cũ)	xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	1	1		5.013,00	7.839,00							1			
-	Kho Dũ trữ Hoàng Cúc	xã Tiên Tiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.955,00	895,00							1			
17	Trung tâm Phát triển Quỹ đất số 02	số 138 đường Lê Lợi, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.929,00	1.307,58	1									
18	Trường Đại học Thái Bình	Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	39.675,30	39.535,00	1									
19	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình và đơn vị trực thuộc		3		3	33.964,40	25.029,00	2	0	0	0	0	0	1	0	0	
19.1	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình		2		2	29.756,00	20.884,00	1	0	0	0	0	0	1	0	0	
19.1.1	Cơ sở nhà đất 1 (Trường học)	Chu Văn An, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	29.401,00	20.724,00	1									
19.1.2	Cơ sở nhà đất 2 (Khu tập thể Bắc Vĩnh Trà)	phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	355,00	160,00							1			
19.2	Đơn vị trực thuộc		1		1			1									
19.2.1	Trường Mầm non Hoa Hồng	Ngõ 1, Chu Văn An, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	4.208,40	4.145,00	1									
20	Trường Cao đẳng Y tỉnh Hưng Yên	đường Tuệ Tĩnh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	17.573,00	5.720,00	1									
21	Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình	Số 290, Phan Bá Vành, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	20.188,90	15.843,50	1									
22	Trường Cao đẳng Cộng Đồng tỉnh Hưng Yên	đường Tuệ Tĩnh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	52.424,00	3.392,00	1									
23	Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Tô Hiệu		2		2	255.468,00	15.484,00	2									
23.1	cơ sở nhà đất số 1	xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên	1		1	206.315,00	6.804,00	1									
23.2	cơ sở nhà đất số 2	số 56 đường Hai Thương Lân Ông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	49.153,00	8.680,00	1									
24	Trường Cao đẳng nghề Thái Bình		2		2	40.230,40	14.069,00	2									
24.1	cơ sở nhà đất số 1	Long Hưng, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	27.540,40	6.377,00	1									
24.2	cơ sở nhà đất số 2	Thống Thương Cẩm, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	1		1	12.690,00	7.692,00	1									
25	Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Thái Bình	Số 12, Hoàng Công Chất, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.550,50	8.913,60	1									
26	Quỹ Phát triển đất tỉnh Hưng Yên	số 02 Đoàn Thị Điểm, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	333,50	760,50	1									
27	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 1		2	0	2	3.220,50	4.371,89	2									
27.1	cơ sở nhà đất số 1	Số 68 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.826,50	3.731,89	1									
27.2	cơ sở nhà đất số 2	Số 6 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.394,00	640,00	1									
28	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 2		3		3	1.029,70	1.708,00	0	0			0	3				Ban đã được bổ trí tại trụ sở UBND tỉnh cũ (theo VB số 477/UBND-TH ngày 29/7/2025 thống nhất tạm giao)
28.1	Cơ sở nhà đất số 1 (Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Thái Bình (cũ))	Số 274, Trần Thành Tông, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1.029,70	1142,8						1				
28.2	Cơ sở nhà đất 2 (Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp - cũ)	Số 2 Ngõ 274 Trần Thành Tông, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1148,5	464,00						1				
28.3	Cơ sở nhà đất 3 (Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT - cũ)	Số 1 đường Lê Lợi, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1		1	1250,8	1.244,00						1				

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà đất					Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư									Ghi chú
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất		Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý	Khác (ghi cụ thể hình thức)	
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sản sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
C	UBMTTQ Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị xã hội và các Hội được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc MTTQVN tỉnh)		31	26	5	88.979,00	47.169,85	19	0	2	0	0	10	0	0	0	
1	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh		2	2		4.968,00	4.013,00	1					1				
1.1	Cơ sở nhà đất số 1 (MTTQVN tỉnh+ Hội người cao tuổi tỉnh)	đường Quảng trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.372,00	2.562,00	1									
1.2	Cơ sở nhà đất số 2 (MTTQVN tỉnh+ Hội người cao tuổi tỉnh)	số 08, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.596,00	1.451,00						1				
2	Các tổ chức chính trị - xã hội và các Hội được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc MTTQVN tỉnh		29	24	5	84.011,00	43.156,85	18	0	2	0	0	9	0	0	0	
2.1	Các tổ chức chính trị -xã hội, gồm:		12	7	5	65.616,20	34.270,35	4	0	2	0	0	6	0	0	0	
2.1.1	Ban Công tác Hội Nông dân		3	2	1	15.416,00	14.531,00	1		1			1				
-	Cơ sở nhà đất số 1 (Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh, Hội Người cao tuổi)	đường Quảng trường, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		4.150,00	8.149,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2 (Trung tâm Hỗ trợ nông dân)	đường Nguyễn Chí Thanh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	10.291,00	4.185,00			1	Sở Xây dựng						
-	Cơ sở nhà đất số 3 (Văn phòng Hội - Trung tâm Hỗ trợ nông dân Thái bình -cũ)	Số 8, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		975,00	2.197,00						1				
2.1.2	Ban Công tác Phụ nữ		1	1		3.618,20	2.075,85						1				
	Cơ sở nhà đất của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thái Bình -cũ	số 237 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.618,20	2.075,85						1				
2.1.3	Ban công tác cựu chiến binh		1	1		614,00	506,00						1				
	Cơ sở nhà đất của Ban công tác cựu chiến binh Thái Bình - cũ	Số 08A Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		614,00	506,00						1				
2.1.4	Nhà Văn hóa lao động		1	0	1	480,00	2.783,00	0	0	0		0	1	0	0	0	
-	Cơ sở nhà đất số 1																chưa bàn giao về cho tỉnh
-	Cơ sở nhà đất số 2 (Liên đoàn lao động Thái Bình -cũ)	phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	480,00	2.783,00						1				
2.1.5	Ban Công tác thanh thiếu nhi		6	3	3	45.488,00	14.374,50	3	0	1		0	2	0	0	0	
-	Ban Công tác thanh thiếu nhi		3	3	0	7.225,00	3.965,50	1	0	0		0	2	0	0	0	
-	Cơ sở nhà đất số 1 (Ban CTTTN - Hội cựu TNXP)	9 đường An Vũ, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		5.787,00	1.980,00	1									
+	Cơ sở nhà đất số 2 (khu A):	số 13 phố Hoàng Diệu, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1	1		918,00	1.520,50						1				
+	Cơ sở nhà đất số 3 (khu B)	số 4 phố Hoàng Diệu, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1	1		520,00	465,00						1				
2.1.6	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh		3	0	3	38.263,00	10.409,00	2	0	1	0	0	0	0	0	0	
-	Cơ sở nhà đất số 1	đường Chùa Đông, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1		1	9.723,00	2.763,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	Đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Trà Lý, tỉnh Hưng Yên	1		1	21.971,00	4.463,00			1	Trường CDSP Thái Bình						CV số 346/MTTQ-BTT ngày 19/9/2025 của MTTQ
-	Cơ sở nhà đất số 3 (Nhà Văn hóa thiếu nhi Thái Bình - cũ)	Đường Lê Lợi, Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1		1	6.569,00	3.183,00	1									
2.2	Các tổ chức Hội được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ, gồm:		17	17	0	18.394,80	8.886,50	14	0	0	0	0	3	0	0	0	
2.2.1	Hội người mù tỉnh Hưng Yên	Số 276, Đường Trần Thành Tông – Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		706,40	872,80	1									
2.2.2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh		2	2		3.729,00	1.933,70	2									
-	Cơ sở nhà đất số 1	Đường Trần Quang Khải, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.779,00	1.385,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	số 26, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		950,00	548,70	1									CV số 323/MTTQ-BTT ngày 15/9/2025 của MTTQ (để nghị cho các Hội trực thuộc sử dụng)

STT	Tên đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất	Địa chỉ cơ sở nhà, đất	Hiện trạng và mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất					Giữ lại tiếp tục sử dụng (1)	Phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản đối dư							Ghi chú	
			Tổng số	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Thông tin cơ sở nhà, đất			Điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, TW (diện số 1)			Chuyển đổi công năng cho mục đích giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng (diện số 1)	Giao Trung tâm phát triển quỹ đất số 02 quản lý, khai thác (diện số 1)	Thu hồi theo pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan	Chuyển giao về địa phương để quản lý, xử lý		Khác (ghi cụ thể hình thức)
						Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)		Điều chuyển	Chuyển đổi công năng để điều chuyển	Đơn vị dự kiến tiếp nhận						
2.2.3	Hội chữ thập đỏ tỉnh		4	4		8.278,00	3.733,00	1					3				
-	Cơ sở nhà đất số 1	Đường Đông Thành, phường Phổ Hiền, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.987,00	2.170,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	số 237 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		392,00	1.086,00						1				
-	Cơ sở nhà đất số 3	Trung tâm hoạt động nhân đạo: xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên	1	1		5.739,00	317,00						1				
-	Cơ sở nhà đất số 4	Xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên	1	1		160,00	160,00						1				
2.2.5	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em Thái Bình	Số 18, đường Nguyễn Tổng Quai, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	1	1		3.214,00		1									
2.2.6	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	126 Lê Lợi, Phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		100,00	80,00	1									
2.2.7	Hiệp hội Doanh nghiệp		2	2				2									
-	Cơ sở nhà đất số 1	Số 02 Đường Tân Nhân, Phường Phổ Hiền, Tỉnh Hưng Yên	1	1		2.349,00	528,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2 (Hội DN tỉnh, Hội làm vườn và nuôi ong; Hội TNXP, Đoàn Luật sư và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh)	Số 9 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên	1	1		350,00	300,00	1									
2.2.8	Hội Đồng Ý		2	2				2									
-	Cơ sở nhà đất số 1	Số 62 Phạm Ngũ Lão, Phường Phổ Hiền, tỉnh Hưng Yên	1	1		336,00	280,00	1									
-	Cơ sở nhà đất số 2	Số 221 Lê Đại Hành, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	1	1		214,00	642,00	1									
2.2.9	Hội Nạn nhân chất độc da cam dioxin		1	1				1									
	Cơ sở nhà đất tại Thái Bình -cũ	Số 684, đường Trần Lãm, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	1	1		2.504,30	3.024,50	1									
2.2.10	Hội Khuyến học tỉnh		1	1		210,00	210,00	1									
	Cơ sở nhà đất tại Thái Bình -cũ	Số 6 Phố Hoàng Diệu, Phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên	1	1		210,00	210,00	1									
2.2.11	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hưng Yên		2	2		2.157,40	2.057,00	2									
-	Cơ sở 1	Số 335 Lê Văn Lương, phường Phổ Hiền, tỉnh Hưng Yên	1	1		628,00	415,00	1									
-	Cơ sở 2	Số 371 Trần Nhân Tông, Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên	1	1		1.529,40	1.642,00	1									CV số 323/MTTQ-BTT ngày 15/9/2025 của MTTQ (dề nghị cho các Hội trực thuộc sử dụng)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH RÀ SOÁT, BỐ TRÍ, SẮP XẾP, XỬ LÝ TÀI SẢN KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Kế hoạch số **84** /KH-UBND ngày **13/10** /2025 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tổng diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng nhà (m ²)	Ghi chú
A	Cơ sở nhà, đất				
1	Cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025				
2	Cơ sở nhà, đất tiếp tục sử dụng				
3	Cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo				
3.1	Hình thức xử lý				
a	Điều hòa (điều chuyển) nội bộ				
b	Điều chuyển cho Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác				
c	Thu hồi				
d	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý				
đ	Hình thức khác				
3.2	Mục đích sử dụng sau khi xử lý				
a	Bố trí làm trụ sở làm việc				
b	Bố trí làm cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao)				
c	Bố trí làm nhà ở công vụ, nhà lưu trú công vụ				
d	Bố trí làm cơ sở giáo dục, đào tạo				
đ	Bố trí làm cơ sở y tế				
e	Bố trí làm thiết chế văn hóa, thể thao				
g	Bố trí sử dụng vào các mục đích công cộng khác				
h	Sử dụng vào các mục đích khác				
4	Tổng số cơ sở nhà, đất đã tiếp nhận từ các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo				
5	Tổng số cơ sở nhà, đất cần tiếp tục xử lý tính đến ngày báo cáo				
6	Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác				
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở				
7.1	Đã thực hiện cải tạo, sửa chữa tính đến ngày báo cáo				
7.2	Dự kiến thực hiện cải tạo, sửa chữa				
B	Xe ô tô				
1	Tổng số xe ô tô thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025				
2	Tổng số xe ô tô tiếp tục sử dụng				
3	Tổng số xe ô tô đã hoàn thành xử lý từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo				
3.1	Bán				
3.2	Thanh lý				
3.3	Điều hòa (điều chuyển) nội bộ				
3.4	Điều chuyển cho Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác				
3.5	Thu hồi				
3.6	Hình thức khác				
4	Tổng số xe ô tô đã tiếp nhận từ Bộ, CQTW, địa phương khác từ ngày 01/01/2025 đến ngày báo cáo				
5	Tổng số xe ô tô cần tiếp tục xử lý tính đến thời điểm báo cáo				
5.1	Số xe ô tô thừa so với tiêu chuẩn, định mức còn sử dụng được				
5.2	Số xe ô tô hỏng, không sử dụng được				
6	Tổng số xe ô tô còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức				

DANH SÁCH GIAO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SỐ 01, TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SỐ 02 TIẾP NHẬN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DƯ CỦA CẤP XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số **84** /KH-UBND ngày **13/10** /2025 của UBND tỉnh)

TÊN ĐƠN VỊ BÀN GIAO	TÊN ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN	TÊN ĐƠN VỊ BÀN GIAO		TÊN ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN
Phường Phố Hiến	TRUNG TÂM QUỸ ĐẤT SỐ 01	Phường Thái Bình	Xã Ngự Thiên	TRUNG TÂM QUỸ ĐẤT SỐ 02
Phường Sơn Nam		Phường Trần Lãm	Xã Long Hưng	
Phường Hồng Châu		Phường Trần Hưng Đạo	Xã Đông Hưng	
Phường Mỹ Hào		Phường Trà Lý	Xã Bắc Tiên Hưng	
Phường Đường Hào		Phường Vũ Phúc	Xã Đông Tiên Hưng	
Phường Thượng Hồng		Xã Thái Thụy	Xã Nam Đông Hưng	
Xã Tân Hưng		Xã Đông Thụy Anh	Xã Bắc Đông Quan	
Xã Hoàng Hoa Thám		Xã Bắc Thụy Anh	Xã Bắc Đông Hưng	
Xã Tiên Lữ		Xã Thụy Anh	Xã Đông Quan	
Xã Tiên Hoa		Xã Nam Thụy Anh	Xã Nam Tiên Hưng	
Xã Quang Hưng		Xã Bắc Thái Ninh	Xã Tiên Hưng	
Xã Đoàn Đào		Xã Thái Ninh	Xã Lê Lợi	
Xã Tiên Tiến		Xã Đông Thái Ninh	Xã Kiến Xương	
Xã Tống Trân		Xã Nam Thái Ninh	Xã Quang Lịch	
Xã Lương Bằng		Xã Tây Thái Ninh	Xã Vũ Quý	
Xã Nghĩa Dân		Xã Tây Thụy Anh	Xã Bình Thanh	
Xã Hiệp Cường		Xã Tiền Hải	Xã Bình Định	
Xã Đức Hợp		Xã Tây Tiền Hải	Xã Hồng Vũ	
Xã Ân Thi		Xã Ái Quốc	Xã Bình Nguyên	
Xã Xuân Trúc		Xã Đồng Châu	Xã Trà Giang	
Xã Phạm Ngũ Lão		Xã Đông Tiền Hải	Xã Vũ Thư	
Xã Nguyễn Trãi		Xã Nam Cường	Xã Thư Trì	
Xã Hồng Quang		Xã Hưng Phú	Xã Tân Thuận	
Xã Khoái Châu		Xã Nam Tiền Hải	Xã Thư Vũ	
Xã Triệu Việt Vương		Xã Quỳnh Phụ	Xã Vũ Tiên	
Xã Việt Tiến		Xã Minh Thọ		
Xã Chí Minh		Xã Nguyễn Du		
Xã Châu Ninh		Xã Quỳnh An		
Xã Yên Mỹ		Xã Ngọc Lâm		
Xã Việt Yên		Xã Đồng Bằng		
Xã Hoàn Long		Xã A Sào		
Xã Nguyễn Văn Linh		Xã Phụ Dực		

Xã Như Quỳnh		Xã Tân Tiến		
Xã Lạc Đạo		Xã Hưng Hà		
Xã Đại Đồng		Xã Tiên La		
Xã Nghĩa Trụ		Xã Lê Quý Đôn		
Xã Phụng Công		Xã Hồng Minh		
Xã Văn Giang		Xã Thần Khê		
Xã Mỹ Sở		Xã Diên Hà		

84 /KH-UBND ngày 13 / 10/